

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 113/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công
tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 332/TTr-STC ngày 28 tháng 11 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) cụ thể như sau:

1. Phân cấp thẩm quyền tại cơ quan nhà nước bao gồm:

a) Giao tài sản cho cơ quan nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

b) Khoản kinh phí sử dụng nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

c) Khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh theo quy định khoản 3 Điều 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

d) Khoản kinh phí sử dụng các tài sản khác theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

đ) Khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

e) Thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

g) Điều chuyển tài sản công theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

h) Bán tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

i) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

k) Tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

l) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là

tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Phân cấp thẩm quyền tại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

- a) Giao tài sản bằng hiện vật theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;
- b) Khoán kinh phí sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;
- c) Khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư);
- d) Phê duyệt Đề án đối với tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;
- đ) Thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;
- e) Điều chuyển tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;
- g) Bán đối với tài sản có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm g khoản 3 Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);
- h) Thanh lý đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm g khoản 3 Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);
- i) Tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại khoản 1

Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

k) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản của dự án gồm:

a) Phê duyệt phương án xử lý tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

b) Phê duyệt phương án giao tài sản công cho doanh nghiệp quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là cơ quan).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là đơn vị).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định giao tài sản khác (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao các loại tài sản (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô), Tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

1. Mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (trừ nhà ở công vụ; ô tô; máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước đối với các tài sản quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định 186/2025/NĐ-CP:

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

2. Khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập đối với các tài sản công quy định tại điểm b (trừ bản quyền phần mềm ứng dụng), d, đ, e (cho tổ chức cá nhân khác sử dụng tài sản công để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo), g khoản 1 Điều 50 Nghị định 186/2025/NĐ-CP:

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản tại các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản tại các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công (trừ nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sang tổ chức cấp tỉnh; từ cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sang cơ quan, tổ chức,

đơn vị cấp xã; từ cơ quan, đơn vị cấp xã sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã này sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã khác.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (không bao gồm đất, tài sản gắn liền với đất)

1. Bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan nhà nước (trừ tài sản là xe ô tô)

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản cố định của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản cố định của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản (trừ tài sản là xe ô tô) của các đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ tài sản là xe ô tô) của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản

1. Thanh lý tài sản cố định tại cơ quan nhà nước

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất có nguyên giá từ 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất có nguyên giá dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán; tài sản khác (trừ tài sản là ô tô) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản khác (trừ tài sản là ô tô) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công:

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất có nguyên giá từ 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của các đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất có nguyên giá dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán; tài sản khác (trừ tài sản là ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản khác (trừ tài sản là ô tô) của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản cố định

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (trừ tài sản là nhà, đất, công trình gắn liền với đất, xe ô tô) do

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định phân cấp thẩm quyền do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thì đơn vị tiếp tục thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt cho đến khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng cho kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đã ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Ngô Tân Phụng